

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày 04-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu
Ông Bùi Văn Ôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

BÙI VĂN C, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1994 tại Bình Hẻm - Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm K, xã B, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị B; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ ngày 11/12/2018 đến ngày 25/02/2019 và hiện nay vẫn đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện số 02 tại Phố Lốc Mới, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Đình Hùng - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị hại: Quách Thị L, sinh năm 1973. Trú tại: Xóm C, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Trú tại: Phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bùi Thị B, sinh năm 1970. Trú tại: Xóm K, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/12/2019, Bùi Văn C đi bộ từ nhà đến cửa hàng bán thực phẩm của chị Bùi Thị N, sinh năm 1963 ở cùng xóm để mượn xe mô tô nhưng không có chìa khóa nên không mượn được. Lúc này, Chiến thấy chiếc xe mô tô BKS 28Y1-29xx của chị Quách Thị L, là người bán thịt tại đó. Xe dựng trước cửa quán và có chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này nên vờ hỏi mượn chị L để đi đến Trạm y tế xã B mua thuốc chữa đau bụng cho bà nội và hẹn mua được thuốc sẽ trả xe cho chị L ngay. Chị L tin và giao xe cho C. Lấy được xe, C đi thẳng đến thị trấn V mua ma túy để sử dụng cho bản thân, sau đó đem chiếc xe mượn của chị L đi đến cửa hàng cầm đồ TP ở phố Đ (nay là phố H), thị trấn V cầm cố cho Nguyễn Văn T được 1.000.000 (*Một triệu*) đồng. C dùng số tiền này mua ma túy, đánh số lô, đề hết. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C quay lại cửa hàng cầm đồ lấy thêm 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng và về nhà.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ tại giai đoạn điều tra gồm 01 xe mô tô BKS 28Y1-29xx, nhãn hiệu Honda, số loại Wave(D), màu sơn đen – xám, số khung 4313AY086xxx, số máy C43E-1313xxx, xe cũ đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Quách Thị L.

Tại kết luận định giá tài sản số 50/ĐG-HĐĐG ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 28Y1-29xx có giá trị còn lại là 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Quách Thị L cho rằng mình bị thiệt hại 09 ngày công đi làm do chiếc xe là phương tiện kiếm sống chính của gia đình nên có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền thu nhập bị mất của 09 ngày là 9.000.000 (*Chín triệu*) đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn T đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 19/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Nguyễn Văn T khi tham gia nhận cầm cố xe từ bị cáo nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cáo trạng không đề cập xử lý. Đối với người đã bán chất ma túy, bán số lô, số đề cho bị cáo Cơ quan điều tra không xác định được nhân dạng, căn cước nên không có căn cứ xử lý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã tích cực tác động để gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có

ông ngoại là người có công được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù, không cho hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân xấu; hiện đang vẫn phải cai nghiện chất ma túy. Về tang vật của vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: do bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề nghị.

Bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị B là mẹ đẻ bị cáo không yêu cầu bị cáo bồi hoàn tiền đã bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; bị cáo nhận tội, không kêu oan và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xin miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với nội dung cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo ở mức 06 tháng tù và cho hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 09/12/2019, Bùi Văn C dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 28Y1-29xx của chị Quách Thị L; bị cáo không có nhu cầu đi mua thuốc chữa đau bụng cho bà nội nhưng nói dối để chị L tin và giao xe cho bị cáo. Sau khi lấy được xe bị cáo đem cầm cố lấy tiền chi dùng cho cá nhân. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 7.000.000 đồng; nằm trong khoảng từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu, bản thân mắc tệ nạn xã hội là nghiện chất ma túy nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Xét, bị cáo sau khi phạm tội đã tác động để gia đình khắc phục một phần thiệt hại bằng tiền; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, xét bị cáo có ông ngoại là người có công được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ trách nhiệm hình cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 28Y1-29xx của chị Quách Thị L đã được trả lại cho chị L là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi hoàn tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án, bị buộc trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự. Tuy nhiên, xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam để bảo đảm thi hành án (ngày 04/8/2020).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn cho bị cáo Bùi Văn C 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn